

Bản án số: 05/2022/HNGĐ-ST

Ngày: 18/5/2022

V/v Ly hôn, tranh chấp về nuôi con

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐỊNH HOÁ, TỈNH THÁI NGUYÊN

- Thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có :

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Hoàng Văn Kiểm.

Các hội thẩm nhân dân: 1/ Ông Phạm Đức Tuế.

2/ Bà Nguyễn Thị Tâm.

- Thư ký phiên tòa: Bà Phan Thị Phương - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Định Hoá, tỉnh Thái nguyên.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đ, tỉnh Thái nguyên tham gia phiên tòa: Ông Đinh Khánh Luyện - Kiểm sát viên.

Ngày 18 tháng 5 năm 2022. Tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Định Hoá, tỉnh Thái nguyên, mở phiên tòa công khai xét xử sơ thẩm vụ án dân sự thụ lý số: 167/2021/TLST-HNGĐ ngày 14 tháng 12 năm 2021 về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con”. Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 08/2022/QĐXX - HNGĐ ngày 14 tháng 4 năm 2022 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Anh Ma Công D, S năm: 1991; Nơi ĐKKHKT: Xóm BB, xã BL, huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên (*Có mặt*).

Bị đơn: Chị Hoàng Thị S, S năm: 1994; Nơi ĐKKHKT: Xóm BB, xã BL, huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên (*Vắng mặt*).

NỘI DUNG VỤ ÁN

Trong đơn khởi kiện xin ly hôn, bản tự khai, biên bản lấy lời khai và tại phiên tòa ngày hôm nay, nguyên đơn anh Ma Công D trình bày:

Anh và chị Hoàng Thị S có đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân xã BL, huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên cấp giấy chứng nhận kết hôn ngày 15/5/2013; trước khi kết hôn có tìm hiểu, yêu nhau khoảng 1 năm, được hai bên gia đình đồng ý và tổ chức lễ cưới theo phong tục tập quán tại địa phương; sau khi kết

hôn anh chị chung sống với nhau cùng gia đình bố mẹ đẻ của anh D tại xóm BB, xã BL, huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên. Vợ chồng chung sống hoà thuận, hạnh phúc đến năm 2020 thì bắt đầu nảy S mâu thuẫn, nguyên nhân phát S mâu thuẫn là vợ chồng thường bất đồng về quan điểm, tình cảm vợ chồng từ phai nhạt đến lạnh nhạt với nhau và không còn tình cảm vợ chồng. Tháng 7/2020 chị S bỏ nhà đi không nói gì với anh là đi làm gì, ở đâu, trước khi đi chỉ nói với bố mẹ anh là đi làm công nhân và nói sẽ không trở về nhà, sau khi đi anh có gọi điện nhưng chị S cũng không nói đi làm gì, ở đâu, chị S thỉnh thoảng về thăm con sau đó lại đi luôn. Nay anh xác định mâu thuẫn vợ chồng đã quá trầm trọng, vợ chồng ly thân đã lâu, tình cảm vợ chồng không còn, mục đích của hôn nhân không đạt được, anh xin được ly hôn với chị S.

- Về con chung: Anh và chị S có 03 con chung là Ma Thị Tuyết, S ngày 10/02/2014, Ma Thị Tuyền, S ngày 25/5/2017, Ma Thị Tuyền, S ngày 31/10/2018. Từ khi vợ chồng ly thân anh là người trực tiếp nuôi dưỡng. Khi ly hôn, anh đề nghị được tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng con chung đến khi trưởng thành, đủ 18 tuổi. Anh tự nguyện không yêu cầu chị S cấp dưỡng nuôi con chung.

- Về tài sản chung, về nợ chung: Anh D xác định không có.

Phía bị đơn, sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng như Thông báo thụ lý vụ án, giấy triệu tập cũng như Thông báo mở phiên họp, phiên hòa giải nhưng chị S không có văn bản nêu ý kiến, không có mặt theo giấy triệu tập cũng như thông báo mở phiên họp, phiên hòa giải của Tòa án. Vì vậy, Tòa án không tiến hành hòa giải được.

Tại phiên toà, vắng mặt chị S, anh D đề nghị Toà án giải quyết, xét xử vắng mặt chị S theo quy định của pháp luật, kiên quyết ly hôn với chị S và giữ nguyên yêu cầu, quan điểm giải quyết về con chung như đã trình bày ở trên.

Trước khi nghị án, Kiểm sát viên phát biểu ý kiến:

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã thực hiện đầy đủ, đúng trình tự tố tụng, việc cấp, giao, tổng đạt văn bản tố tụng, việc thu thập tài liệu chứng cứ, đảm bảo đúng quy định của pháp luật, đảm bảo quyền và nghĩa vụ của các bên đương sự.

Đối với người tham gia tố tụng: Nguyên đơn đã chấp hành đúng quy định tại Điều 70, 71 Bộ luật tố tụng dân sự; Đối với bị đơn: Không chấp hành theo quy định của pháp luật quy định tại Điều 70, 72 Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về việc giải quyết vụ án: Căn cứ các Điều 28, 35, 39, 147, 227, 228 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 51, 56, 58 và Điều 81, 82 và 83 của Luật hôn nhân

và gia đình. Chấp nhận yêu cầu của anh D, cho ly hôn giữa anh Ma Công D và chị Hoàng Thị S; Về con chung: Giao cho anh D trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục 03 con chung là Ma Thị Tuyết, S ngày 10/02/2014, Ma Thị Tuyền, S ngày 25/5/2017, Ma Thị Tuyền, S ngày 31/10/2018 đến khi trưởng thành, đủ 18 tuổi. Tạm hoãn nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con đối với chị Hoàng Thị S do anh Ma Công D tự nguyện không yêu cầu. Về tài sản chung, nợ chung: Anh D xác định không có. Về án phí dân sự sơ thẩm, anh D phải chịu theo quy định của pháp luật.

Đề nghị Hội đồng xét xử tuyên quyền kháng cáo bản án đối với đương sự.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa. Tòa án nhận định:

- Về tố tụng: Đây là vụ án ly hôn, bị đơn có nơi cư trú tại xã BL, huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên; vì vậy, thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên theo quy định tại Điều 28, Điều 35, Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án nhân dân huyện Đ đã tiến hành thu thập chứng cứ bằng biện pháp xác minh, lấy lời khai của đương sự. Tại phiên tòa sơ thẩm ngày hôm nay, có sự tham gia của Viện kiểm sát nhân dân huyện Đ là đúng quy định tại khoản 2 Điều 21 của Bộ luật tố tụng dân sự là phù hợp, đảm bảo đúng quy định của pháp luật.

Bị đơn đã được Tòa án triệu tập đến phiên tòa hợp lệ lần thứ 2 nhưng vắng mặt không có lý do, không có đơn xin xét xử vắng mặt, Tòa án xét xử vắng mặt bị đơn theo quy định tại khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về quan hệ hôn nhân: Anh Ma Công D và chị Hoàng Thị S kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Đây là hôn nhân hợp pháp.

- Xét yêu cầu xin ly hôn của anh Ma Công D nhận thấy:

Trong đơn khởi kiện ly hôn, lời trình bày trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa ngày hôm nay, anh D xác định: Quá trình chung sống, giữa anh D và chị S bắt đầu nảy S mâu thuẫn từ năm 2020, vợ chồng hay cãi cọ, xúc phạm nhau, từ tháng 7/ 2020 chị S và anh đã sống ly thân, vợ chồng không còn quan tâm đến nhau. Từ khi thụ lý vụ án đến nay, Tòa án đã tổng đạt các văn bản tố tụng hợp lệ, nhưng chị S không có ý kiến gì, không đến Tòa án để làm việc, thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình. Căn cứ lời khai, lời trình bày ý kiến

của anh D, Hội đồng xét xử xét thấy mâu thuẫn vợ chồng giữa anh D và chị S đã quá trầm trọng, tình cảm vợ chồng không còn, hôn nhân không còn tồn tại trên thực tế từ năm 2020 đến nay, mục đích của hôn nhân không đạt được. Căn cứ Điều 51 và Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình, chấp nhận yêu cầu ly hôn của anh D, cho ly hôn giữa anh D và chị S.

- Về con chung: Anh D và chị S có 03 con chung là Ma Thị Tuyết, S ngày 10/02/2014, Ma Thị Tuyền, S ngày 25/5/2017, Ma Thị Uyên, S ngày 31/10/2018. Hiện nay 03 con chung anh D đang trực tiếp nuôi dưỡng. Quá trình giải quyết tại Tòa án và tại phiên toà ngày hôm nay, anh D đề nghị được tiếp tục trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng con chung cho đến khi con trưởng thành, tự nguyện không yêu cầu chị S cấp dưỡng nuôi con. Chị S đã được Tòa án thông báo, triệu tập nhiều lần nhưng không đến Tòa án trình bày quan điểm về việc nuôi con. Xét thấy, anh D có nơi ở ổn định, có công việc thu nhập hàng tháng, hiện nay con chung đang sống cùng anh D. Vì vậy, giao cả 03 con chung cho anh D trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục là phù hợp và đúng quy định của pháp luật.

- Về cấp dưỡng nuôi con: Tạm hoãn việc cấp dưỡng nuôi con đối với chị Hoàng Thị S do anh D tự nguyện không yêu cầu.

- Về tài sản chung, về nợ chung: Anh Ma Công D xác định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về án phí: Anh Ma Công D phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

- Áp dụng khoản 1 Điều 28; khoản 1 Điều 35; Điều 39; Điều 147; khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228; Điều 271 và 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Điều 51, 56, 58, 81, 82, và 83 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Anh Ma Công D.

1. Về quan hệ hôn nhân: Cho ly hôn giữa Anh Ma Công D và chị Hoàng Thị S.

2. Về con chung: Giao con chung là Ma Thị Tuyết, S ngày 10/02/2014, Ma Thị Tuyền, S ngày 25/5/2017, Ma Thị Uyên, S ngày 31/10/2018 cho anh

Ma Công D trực tiếp trông nom, nuôi dưỡng, giáo dục đến khi con trưởng thành (đủ 18 tuổi). Chị Hoàng Thị S có quyền đi lại thăm nom con chung.

Tạm hoãn nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung đối với chị Hoàng Thị S do anh Ma Công D tự nguyện không yêu cầu.

3. Về tài sản chung: Anh D và chị S không có tài sản chung.

4. Về án phí và quyền kháng cáo: Anh Ma Công D phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm sung quỹ Nhà nước được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu số 0004487 ngày 14 tháng 12 năm 2021 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên.

Án xử công khai sơ thẩm, có mặt nguyên đơn, báo cho biết có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Vắng mặt bị đơn, báo cho biết có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết./.

Nơi nhận:

- Toà án nhân dân tỉnh TN;
- VKSND huyện Định Hoá;
- Chi cục THADS huyện Đ;
- UBND xã BL;
- Các đương sự;
- lưu HS.

**T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa**

Hoàng Văn Kiểm